

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HOÀNG THỊ THINH

QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2024

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS Đoàn Xuân Thủy



Phản biện 1: PGS.TS Trần Đức Hiệp

Phản biện 2: PGS.TS Đào Thị Ngọc Minh

Phản biện 3: PGS.TS Nguyễn Duy Dũng

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 15 giờ 00 ngày 28 tháng 03 năm 2024

Có thể tìm đọc luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Hoàng Thị Thinh (2020), “Phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam trong bối cảnh ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương*, số 572, 09/2020, tr.77-79.
2. Hoàng Thị Thinh (2020), “Vấn đề lợi ích trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương*, số 579, tháng 12/2020, tr.19-21.
3. Hoàng Thị Thinh (2023), “Kinh nghiệm giải quyết hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo của một số nước trên thế giới và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, (238), tr.110-116.
4. Hoàng Thị Thinh (2023), “Tác động của phát triển năng lượng tái tạo đến phát triển bền vững ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, (800), tr.57-60.
5. Hoàng Thị Thinh (2023), “Đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, (803), tr.65-69.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Hiện nay, thế giới đang phải đối mặt với vấn đề cạn kiệt nguồn năng lượng truyền thống và tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu. Để giải quyết những thách thức đó, việc chuyển đổi từ năng lượng hoá thạch sang sử dụng năng lượng tái tạo là tất yếu và vô cùng cấp bách. Chuyển đổi từ năng lượng hoá thạch sang sử dụng năng lượng tái tạo không chỉ thúc đẩy hành động vì môi trường mà còn góp phần đảm bảo an ninh năng lượng, tạo ra các lợi ích kinh tế và một tương lai thịnh vượng, bền vững cho tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Đối với Việt Nam, trước yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhu cầu sử dụng năng lượng không ngừng gia tăng, trong khi nguồn cung năng lượng truyền thống ngày càng cạn kiệt. Với tiềm năng to lớn, phát triển năng lượng tái tạo sẽ giúp nước ta có thể cắt giảm nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu, đồng thời góp phần giảm lượng phát thải khí nhà kính, đảm bảo an ninh năng lượng và phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) của đất nước. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển năng lượng tái tạo và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã chú trọng đến đảm bảo lợi ích của các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo như lợi nhuận của các doanh nghiệp, lợi ích của người tiêu dùng,... Bên cạnh những thành tựu đạt được, sự phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, còn tồn tại nhiều bất cập, mâu thuẫn, đặc biệt là vấn đề quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo. Về mặt thực tiễn, hiện nay, mâu thuẫn và xung đột về lợi ích giữa các chủ thể (Nhà nước, doanh nghiệp, người tiêu dùng,...) trong phát triển năng lượng tái tạo đang là một thách thức lớn đối với sự phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam. Những xung đột, chòng chéo về lợi ích giữa các chủ thể tham gia phát triển năng lượng tái tạo; những bất cập trong công tác quản lý, điều hành thực hiện quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo; sự thiếu gắn kết giữa các chủ thể,... đã trở thành lực cản đối với việc đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ở nước ta. Những rào cản trong quan hệ lợi ích kinh tế giữa các chủ thể này đã và đang đặt ra nhu cầu phải nghiên cứu và giải quyết.

Xuất phát từ cơ sở lí luận và thực tiễn trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài: ***“Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam”*** làm luận án tiên sĩ, ngành Kinh tế chính trị.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở luận giải những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về thực hiện đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, luận án phân tích và đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích trong quá trình phát triển NLTT ở Việt Nam từ năm 2017 - 2022. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích để thúc đẩy phát triển NLTT ở Việt Nam đến năm 2030.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

(1) Hệ thống hóa và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, cụ thể là làm rõ khái niệm, xây dựng khung phân tích về nội dung, tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT; nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn về giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực phát triển NLTT của một số quốc gia trên thế giới để rút ra bài học cho Việt Nam; (2) phân tích thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT giai đoạn 2017 – 2022. Từ đó đánh giá thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này để làm cơ sở cho việc đề xuất quan điểm và giải pháp giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam; (3) Đề xuất một số quan điểm và giải pháp giải quyết hài hòa lợi ích nhằm thúc đẩy sự phát triển NLTT ở nước ta đến năm 2030.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở cấp độ quốc gia.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung nghiên cứu:

Trong phạm vi luận án không đề cập đến quan hệ lợi ích nói chung mà chỉ làm rõ lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích kinh tế ở góc độ kinh tế chính trị giữa các chủ thể chính trong phát triển NLTT. Cụ thể, luận án sẽ tập trung nghiên cứu và làm rõ quan hệ lợi ích kinh tế của ba chủ thể quan trọng trong phát triển NLTT bao gồm: Nhà nước, doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo (doanh nghiệp tham gia phát triển điện gió, điện mặt trời) và người tiêu dùng. Sự tương tác giữa các chủ thể trên sẽ dẫn đến hình thành các mối quan hệ lợi ích kinh tế bao gồm: (1) Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT; (2) Quan hệ lợi ích kinh tế giữa doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT và người tiêu dùng; (3) Quan hệ lợi ích kinh tế giữa Nhà nước và người tiêu dùng.

NLTT bao gồm nhiều loại, có thể chuyển hoá thành nhiều dạng năng lượng khác nhau, tuy nhiên trong phạm vi luận án, tác giả tập trung nghiên

cứu năng lượng mặt trời, năng lượng gió chuyển hoá thành điện năng.

- *Về không gian:* Luận án nghiên cứu quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam.

- *Về thời gian:* Luận án tập trung nghiên cứu quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT được thực hiện chủ yếu trong giai đoạn từ năm 2017 – 2022, đây là giai đoạn mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể được hình thành rõ rệt và bộc lộ những mâu thuẫn, xung đột lợi ích mang tính điển hình và đưa ra quan điểm, giải pháp đến năm 2030.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

- *Về cơ sở lý luận:* Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, Nhà nước về quan hệ lợi ích, phát triển năng lượng tái tạo; đồng thời kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan đến đề tài luận án.

- *Về phương pháp nghiên cứu:* Luận án sử dụng phương pháp chủ yếu của Kinh tế chính trị là trừu tượng hóa khoa học và phương pháp logic gắn với lịch sử, đồng thời kết hợp với các phương pháp khác như phân tích và tổng hợp; so sánh, đối chiếu; thu thập, xử lý và phân tích số liệu.

5. Những đóng góp khoa học mới của luận án

- *Đóng góp về lý luận:* Với cách tiếp cận về quan hệ lợi ích ở góc độ khoa học Kinh tế chính trị, luận án góp phần làm rõ hơn một số vấn đề lý luận về quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT: quan niệm, đặc điểm, nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam.

- *Đóng góp về thực tiễn:*

Thứ nhất, luận án phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia về thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT và rút ra bài học cho Việt Nam. Luận án cũng làm rõ thực trạng quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT, từ đó chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của thành tựu, hạn chế trong việc thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam. Những mô tả, đánh giá thực trạng này chưa được công bố trong công trình nghiên cứu nào ở Việt Nam.

Thứ hai, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo sự hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, góp phần thúc đẩy sự phát triển NLTT ở nước ta đến năm 2030.

Thứ ba, những kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo cho những nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách và nghiên cứu giảng dạy các hệ đào tạo chuyên ngành có liên quan đến quan hệ lợi ích và phát triển NLTT.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN Ở TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về lợi ích, lợi ích kinh tế, quan hệ lợi ích, quan hệ lợi ích kinh tế

- Các công trình nghiên cứu về lợi ích, lợi ích kinh tế: Tresnôcôp, Đ.I với tác phẩm *“Chủ nghĩa duy vật lịch sử với tính cách là xã hội học của chủ nghĩa Mác - Lênin”*; V.P.Ca-man-kin với công trình *“Các lợi ích kinh tế dưới chủ nghĩa xã hội”*; Đào Duy Tùng và các cộng sự của mình với nghiên cứu *“Bàn về lợi ích kinh tế”*; Nghiên cứu *“Lợi ích động lực của sự phát triển bền vững”* của tác giả Hoàng Văn Luân; Nguyễn Thị Thu Hương với nghiên cứu *“Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay”*; Đặng Quang Định với công trình *“Thống nhất lợi ích kinh tế giữa giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”*; Hoàng Văn Khải với nghiên cứu *“Giải quyết quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay”*.

- Các công trình nghiên cứu về quan hệ lợi ích, quan hệ lợi ích kinh tế: Laprinmenco với tác phẩm *“Những vấn đề lợi ích trong chủ nghĩa Mác - Lênin”*; Janos Kornai với cuốn sách *“The Socialist System: The Political Economy of Communism”*; Nguyễn Linh Khiếu với công trình *“Góp phần nghiên cứu quan hệ lợi ích”*; Ngô Tuấn Nghĩa với nghiên cứu *“Bảo đảm quan hệ lợi ích hài hòa về sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam”*; Trần Thị Minh Châu với nghiên cứu *“Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể kinh tế trong Luật Đất đai ở Việt Nam”*; Đỗ Huy Hà với công trình *“Giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế trong quá trình đô thị hóa ở nước ta hiện nay”*; Trần Hoàng Hiếu với nghiên cứu *“Quan hệ lợi ích kinh tế giữa nông dân và doanh nghiệp trong phát triển cánh đồng lớn ở Đồng bằng sông Cửu Long”*; Trương Văn Thủy với luận án *“Quan hệ lợi ích trong phát triển chuỗi giá trị cà phê ở tỉnh Đắk Lắk”*; Bùi Thị Tiến với luận án *“Quan hệ lợi ích trong phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội”*.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về năng lượng tái tạo, phát triển năng lượng tái tạo

Tác giả Wang với nghiên cứu *“Legal and policy frameworks for renewable energy to mitigate climate change”*; Nguyễn Đức Cường với nghiên cứu *“Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam”*; Roland

Wengenmayr và Thomas Bührke với công trình nghiên cứu “*Renewable Energy: Sustainable Energy Concepts for the Energy*”; Nguyễn Thị Nhâm Tuất, Ngô Văn Giới với bài báo “*Đánh giá thực trạng và tiềm năng khai thác năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”; Phạm Thị Thanh Mai và Nguyễn Vĩnh Thụy với bài viết “*Nghiên cứu phương pháp lựa chọn quy hoạch năng lượng cho hệ thống điện Việt Nam*”; Nguyễn Hùng Cường với luận án “*Chính sách năng lượng tái tạo của một số nước trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”; Visal Veng, và cộng sự với bài viết “*A review of renewable energy development and its policy under nationally determined contributions in ASEAN*”; Trần Việt Dũng với nghiên cứu “*Legal and policy framework for renewable energy and energy efficiency development in Vietnam*”; Phạm Thị Thu Hà với bài viết “*Phát triển thị trường năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”; Hoàng Thị Xuân với luận án “*Phát triển năng lượng tái tạo vì sự phát triển kinh tế bền vững ở một số quốc gia châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”.

1.1.3. Nhóm các công trình nghiên cứu về quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

- Các công trình nghiên cứu về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể và vai trò của việc đảm bảo quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT: Nghiên cứu “*Intergovernmental Panel on climate change mitigation*” của tác giả Edenhofer và cộng sự; Krishnan với nghiên cứu “*Implementation of renewable energy to reduce carbon consumption and fuel cell as a back-up power for national broadband network (NBN) in Australia*”; Economic Research Institute for ASEAN and East Asia với nghiên cứu “*Financing Renewable Energy Development in East Asia Summit Countries - A Primer of Effective Policy Instruments*”; Lê Thị Vân với bài viết “*Thúc đẩy đồng lợi ích về kinh tế - xã hội trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”; Nguyễn Văn Bình với cuốn sách tham khảo “*Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”; Trần Thị Tuyết, Nguyễn Thị Hòa với bài viết “*Cơ hội việc làm gắn với phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”; Phạm Thị Thu Hà với bài viết “*Đánh giá phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam từ góc độ bền vững*”; Phan Thị Thu Hiền, Nguyễn Mạnh Hùng với bài viết “*Các nhân tố ảnh hưởng tới thành công của các dự án xây dựng và phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”; Nguyễn Thị Cẩm Vân với bài viết “*Tác động của các nhân tố kinh tế, xã hội và môi trường đến tiêu thụ năng lượng tái tạo ở Việt Nam*”.

- Các công trình nghiên cứu về những rào cản trong việc đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo: Tác giả Dinica với nghiên cứu “*Support systems for diffusion of renewable energy technologies - An investor perspective*”; Hans Poser và cộng sự với công trình “*Development and integrataion of renewable energy:*

Lessons Learned From Germany”; Viktor Tachev với bài viết “*Potential of Renewable energy in Japan*”; Tuấn Thành với bài viết “*Vướng mắc đối với phát triển năng lượng tái tạo và giải pháp khắc phục*”; Lưu Đức Hải và cộng sự với bài viết “*Các rào cản của sự phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay*”; Lê Hồng Kỳ với bài viết “*Những khó khăn, vướng mắc trong chuyển đổi, phát triển năng lượng sạch*”; Nguyễn Thị Thúy Mai với bài viết “*Chính sách năng lượng tái tạo của Việt Nam và một số rào cản*”; Hoàng Thị Xuân với luận án “*Phát triển năng lượng tái tạo vì sự phát triển kinh tế bền vững ở một số quốc gia châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”.

1.2. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khái quát kết quả các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Một là, các nghiên cứu đã làm rõ tương đối đầy đủ về cơ sở lý luận liên quan đến NLTT, đặc điểm, phân loại, sự cần thiết của phát triển NLTT đối với việc phát triển bền vững; lợi ích của phát triển NLTT đối với sự phát triển bền vững kinh tế, xã hội và môi trường; vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng chính sách phát triển NLTT.

Hai là, các nghiên cứu đi sâu phân tích, đánh giá về thực trạng phát triển NLTT, giải pháp giải quyết những rào cản, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của Nhà nước trong việc thiết lập “luật chơi”, khắc phục những bất cập nhằm thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này. Một số nghiên cứu phân tích cụ thể lợi ích của phát triển NLTT ở Việt Nam.

Ba là, một số nghiên cứu bước đầu đưa ra các quan niệm liên quan đến quan hệ lợi ích, trong đó một số công trình nghiên cứu đã phân tích quan hệ lợi ích giữa nhà nước, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh NLTT, người dân vùng bị thu hồi đất... Cũng đã có nghiên cứu về những nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của các dự án, trong đó có phân tích về sự hợp tác giữa các bên liên quan.

Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ về vai trò, đặc điểm của quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT; nội dung và tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT cũng như phân tích làm rõ thực trạng và đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích giữa các chủ thể có liên quan trong phát triển NLTT. Do vậy, nhiều nội dung về vấn đề này chưa được nghiên cứu, đây là khoảng trống mà NCS sẽ tiếp tục nghiên cứu.

1.2.2. Những vấn đề luận án tập trung nghiên cứu

Trên cơ sở khái quát các công trình nghiên cứu tiêu biểu ở cả trong và ngoài nước trong những năm gần đây cho thấy chưa có công trình khoa học nào tập trung nghiên cứu sâu về quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT.

Vì vậy, việc nghiên cứu này là cần thiết để giải quyết vấn đề thực tiễn đặt ra, góp phần lấp “khoảng trống” mà các nghiên cứu trước đây chưa đề cập để tìm ra giải pháp thúc đẩy hài hoà lợi ích trong lĩnh vực này.

Để khắc phục “khoảng trống” trên, luận án hướng tới giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn từ góc độ Kinh tế chính trị về quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT:

Thứ nhất, làm rõ khái niệm quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT; đặc điểm và vai trò của quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT; các mối quan hệ và tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong lĩnh vực này.

Thứ hai, phân tích một cách có hệ thống về các chủ thể có liên quan đến quan hệ lợi ích trong lĩnh vực NLTT, vai trò của các chủ thể và các mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể; phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến việc đảm bảo hài hoà quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT; nghiên cứu một số kinh nghiệm ở một số quốc gia trên thế giới về giải quyết quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, từ đó rút ra những bài học cho Việt Nam.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, làm cơ sở cho việc đề xuất quan điểm và giải pháp giải quyết hài hoà lợi ích trong lĩnh vực này ở Việt Nam trong thời gian tới.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

** Khái niệm quan hệ lợi ích*

Từ phân tích các khái niệm về lợi ích, quan hệ lợi ích của các tổ chức và các nhà khoa học, nghiên cứu sinh cho rằng:

- Lợi ích là hiện tượng xã hội khách quan, nảy sinh từ nhu cầu và nhằm thoả mãn nhu cầu của con người, được đặt trong mối quan hệ xã hội tương ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội.

- Quan hệ lợi ích dưới góc độ kinh tế chính trị là tổng hoà các mối liên hệ hữu cơ giữa các chủ thể kinh tế nhằm mục tiêu xác lập các lợi ích kinh tế, vận hành theo các quy luật của thị trường với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của một giai đoạn phát triển xã hội nhất định.

** Khái niệm năng lượng tái tạo và phát triển năng lượng tái tạo*

- Năng lượng tái tạo là năng lượng có nguồn gốc từ các quá trình tự nhiên, được hình thành liên tục và hạn chế tác động tiêu cực đến

môi trường.

- Phát triển năng lượng tái tạo là các hoạt động cung ứng nguồn năng lượng tái tạo nhằm thoả mãn nhu cầu tiêu dùng của xã hội, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống.

** Khái niệm quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo*

Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo là sự thiết lập và duy trì những tương tác về lợi ích giữa các chủ thể trong toàn bộ các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh năng lượng tái tạo nhằm mục tiêu tối ưu hoá lợi ích và thúc đẩy sự phát triển năng lượng tái tạo.

2.1.2. Đặc điểm quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

(1) Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT nói chung và phát triển điện gió, điện mặt trời nói riêng không chỉ là lợi ích kinh tế thuần tuý mà còn là lợi ích đảm bảo an ninh năng lượng, đáp ứng yêu cầu của xu hướng chuyển dịch năng lượng công bằng, bền vững trên thế giới và ứng phó với biến đổi khí hậu; (2) Quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT với sự tham gia của nhiều chủ thể, mỗi chủ thể có vai trò khác nhau trong việc thực hiện quan hệ lợi ích; (3) Quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT vừa thống nhất vừa chứa đựng mâu thuẫn, tiềm ẩn nguy cơ dẫn tới những xung đột về lợi ích kinh tế giữa các chủ thể liên quan; (4) Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT gắn với những thách thức lớn trong xu thế chuyển dịch năng lượng trên thế giới.

2.1.3. Vai trò của việc đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

(1) Giải quyết hài hòa lợi ích trong phát triển NLTT tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển NLTT và mang lại hiệu quả kinh tế cao; (2) Góp phần quan trọng trong việc nâng cao lợi ích kinh tế cho mỗi chủ thể trong phát triển NLTT; (3) Góp phần thúc đẩy sự gắn kết giữa các chủ thể trong phát triển NLTT ngày càng bền vững và hiệu quả; (4) Góp phần thúc đẩy ngành NLTT mang lại đồng lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

2.2.1. Nội dung quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

2.2.1.1. Quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT

Mối quan hệ lợi ích giữa chủ thể Nhà nước với các doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT là điều kiện để giải quyết quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong cung cấp và sử dụng điện từ năng lượng tái tạo. Trong mối quan hệ này, lợi ích nhà nước thu về chính là mục tiêu về đảm bảo an ninh năng lượng, phát triển bền vững đất nước trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Ngoài ra, Nhà nước còn thu được thuế từ các doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT để bổ sung vào ngân sách hoạt động của

mình. Các doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT với vai trò hiện thực hóa các Nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, chính sách của Nhà nước về phát triển NLTT vào thực tiễn, tận dụng tối ưu những ưu đãi của Nhà nước trong lĩnh vực này nhằm thu được lợi nhuận cao nhất.

2.2.1.2. Quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng

Đây là mối quan hệ lợi ích có vị trí quan trọng trong giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT. Nếu như Nhà nước thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng với chất lượng cung cấp điện ngày càng tốt hơn và giá thành hợp lí thì sẽ thúc đẩy ngành NLTT phát triển hơn, ngược lại nếu sự hài lòng của người tiêu dùng ngày càng thấp thì lợi ích của Nhà nước, của quốc gia về mục tiêu phát triển năng lượng bền vững cũng không thể thực hiện được. Phương thức hài hoà lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng chỉ thực sự có hiệu quả khi Nhà nước vừa đảm bảo an ninh năng lượng cho nhu cầu phát triển kinh tế bền vững, vừa đáp ứng các cam kết của Việt Nam đối với quốc tế trong việc giảm ô nhiễm môi trường, vừa đảm bảo có chi phí sản xuất thấp, hài hoà giữa lợi ích quốc gia, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

2.2.1.3. Quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT và người tiêu dùng

Trong mối quan hệ lợi ích này, doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT là bên cung, người tiêu dùng là bên cầu, mối quan hệ cung cầu này có thể thực hiện qua mua bán trực tiếp hoặc qua trung gian truyền tải, phân phối. Doanh nghiệp là chủ thể sản xuất NLTT với mục tiêu là lợi nhuận và để đạt được mục tiêu này, doanh nghiệp phải tiến hành quá trình sản xuất, bắt đầu từ việc mua các yếu tố đầu vào như máy móc, thiết bị cho việc thu năng lượng gió, năng lượng mặt trời; vốn đầu tư cho các dự án NLTT; đất đai; nhân lực... Để có lợi nhuận, các doanh nghiệp phải thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng.

2.2.2. Các tiêu chí đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

- *Về các tiêu chí định lượng:* Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT được đánh giá thông qua việc xác định được lợi ích kinh tế của các chủ thể tham gia phát triển NLTT. Cụ thể:

+ Đối với Nhà nước, lợi ích kinh tế thu được chính là phần thuế mà các chủ thể liên quan đến lĩnh vực NLTT nộp vào ngân sách, đóng góp vào sự tăng trưởng GDP và phát triển bền vững, lượng hoá một số lợi ích xã hội thu được trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.

+ Đối với doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT, lợi nhuận chính là phần còn lại sau khi đã trừ đi chi phí cho quá trình sản xuất kinh doanh.

+ Đối với người tiêu dùng, lợi ích chính là được thoả mãn nhu cầu tiêu dùng năng lượng với mức giá phù hợp cùng với các lợi ích về xã hội,

việc làm và môi trường sống.

- *Về các tiêu chí định tính:* Đánh giá quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT thông qua sự liên kết, tính bền vững, sự hài hoà trong mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể, mức độ tích cực tham gia của các chủ thể vào phát triển NLTT. Sự bền vững của các mối quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT được thể hiện ở sự gắn kết ổn định, lâu dài giữa các chủ thể tham gia vào phát triển NLTT. Bên cạnh đó, quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT được đánh giá thông qua các tiêu chí khác như về vấn đề đồng bộ, hiệu quả, tổ chức thực hiện của các chính sách phát triển NLTT do Nhà nước ban hành; giá cả, tình hình nắm bắt thông tin thị trường, cơ chế chính sách...

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

(1) Thể chế, chính sách của Nhà nước trong phát triển năng lượng tái tạo; (2) Sự gia tăng nhu cầu năng lượng, xu hướng chuyển đổi năng lượng công bằng, bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; (3) Sự phát triển của hạ tầng lưới điện và hệ thống lưu trữ năng lượng; (4) Năng lực của các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo.

2.3. KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ ĐẢM BẢO HÀI HOÀ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

*** *Kinh nghiệm của Trung Quốc***

(1) Chính phủ Trung Quốc đã thực thi nhiều chính sách để đảm bảo hài hòa lợi ích cho các chủ thể trong phát triển NLTT; (2) Đề tạo sự gắn kết giữa các chủ thể trong phát triển NLTT, Nhà nước quy định rõ ràng về vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia phát triển NLTT từ quy hoạch đến phối hợp phát triển giữa địa phương và quốc gia, sự phối hợp giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư dự án với sự phát triển tổng thể của ngành điện và người tiêu dùng.

*** *Kinh nghiệm của Hàn Quốc***

(1) Để đảm bảo sự bền vững trong quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT, Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách; (2) Đề khuyến khích người tiêu dùng sử dụng NLTT và tạo sự đồng thuận của xã hội, Chính phủ Hàn Quốc đã áp dụng một số chính sách khuyến khích người tiêu dùng sử dụng NLTT; (3) Xây dựng và vận hành thị trường điện cạnh tranh nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể; (4) Để đảm bảo hài hòa lợi ích cho xã hội, doanh nghiệp và người tiêu dùng, Chính phủ Hàn Quốc đã triển khai đề án phát triển hệ thống lưu trữ năng lượng tích hợp với các dự án NLTT (mặt trời, gió) nhằm đảm bảo khả năng vận hành linh hoạt và dự phòng cho hệ thống điện; (5) Đề tạo sự bền vững quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, Chính phủ Hàn

Quốc rất quan tâm đến ba yếu tố, đó là: tạo việc làm, thay đổi thói quen tiêu dùng và tuyên truyền nâng cao nhận thức và sự đồng thuận của nhân dân để hiểu hơn về những lợi ích mà NLTT mang lại.

*** Kinh nghiệm của Nhật Bản**

(1) Xác định rõ mục tiêu phát triển NLTT nhằm tạo môi trường pháp lí thuận lợi cho các doanh nghiệp và người tiêu dùng thực thi; (2) Thực thi các chính sách tài chính và trợ giá để giải quyết hài hoà lợi ích trong phát triển NLTT; (3) Đề khắc phục xung đột lợi ích về đất đai tại các dự án năng lượng mặt trời, Nhật Bản phát triển các nhà máy năng lượng mặt trời nổi do hạn chế về quỹ đất trên đất liền; (4) Đề đảm bảo lợi ích của các chủ thể tham gia phát triển NLTT, xây dựng thị trường điện cạnh tranh, Chính phủ Nhật Bản thực hiện chính sách thuế môi trường, loại bỏ trợ cấp cho năng lượng truyền thống; (5) Nâng cao hiểu hiểu liên quan đến lợi ích của phát triển NLTT đối với người tiêu dùng thông qua việc đẩy mạnh giáo dục về năng lượng trong trường học, đẩy mạnh thông tin hai chiều để tăng tính minh bạch về chính sách năng lượng và có được sự tin tưởng của công chúng...

*** Kinh nghiệm của Cộng hòa Liên bang Đức**

(1) Thiết lập chính sách nhằm đảm bảo hài hoà lợi ích giữa các chủ thể tham gia phát triển NLTT; (2) Đề thu hút các nhà đầu tư sản xuất năng lượng điện từ nguồn NLTT, Chính phủ Đức khuyến khích sản xuất và sử dụng các công nghệ tạo ra điện năng từ nguồn NLTT, hỗ trợ cơ sở hạ tầng sử dụng NLTT; (3) Đề giải quyết các mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích, Chính phủ Đức không chỉ thực hiện các biện pháp kinh tế mà còn thực hiện các biện pháp tuyên truyền và giáo dục đối với người tiêu dùng; (4) Đề tránh xảy ra xung đột về lợi ích kinh tế khi thực hiện chuyển đổi năng lượng, Chính phủ và Hiệp hội Công đoàn đã phối hợp với các bên liên quan nhằm giải quyết an sinh xã hội trong quá trình chuyển đổi.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

(1) Tăng cường sự quản lí, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách, cơ chế để đảm bảo lợi ích, giảm bớt các rào cản trong việc thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT; (2) Tăng cường các chính sách kinh tế, tài chính nhằm thu hút, đảm bảo lợi ích cho các chủ thể tham gia phát triển NLTT, khuyến khích các doanh nghiệp và khu vực tư nhân tham gia phát triển thị trường năng lượng tái tạo; (3) Đề góp phần giảm bớt chi phí đầu vào cho các dự án NLTT, hạ giá thành sản phẩm, hài hoà giữa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, người tiêu dùng cần tập trung nghiên cứu khoa học công nghệ để phát huy được nguồn năng lượng tái tạo, bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh, cải tiến kĩ thuật về năng lượng tái tạo; (4) Đề tránh xung đột quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, cần đảm bảo cân bằng giữa chuyển dịch năng lượng và an sinh xã hội; (5) Nâng cao nhận

thức của các chủ thể về mối quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

3.1. KHÁI QUÁT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

3.1.1. Tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Việt Nam được đánh giá là quốc gia có nguồn NLTT khá dồi dào, đặc biệt là năng lượng mặt trời và năng lượng gió. Là quốc gia nằm gần xích đạo nên Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển năng lượng mặt trời do có số giờ nắng nhiều. Ở Việt Nam, lượng bức xạ mặt trời hàng năm tương đối lớn và ổn định. Với hơn 3.200km bờ biển và thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng năng lượng gió khá lớn.

3.1.2. Tình hình phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam giai đoạn 2017 – 2022

Từ năm 2017, với những chính sách đẩy mạnh phát triển NLTT, ngành NLTT ở Việt Nam đã có những chuyển biến rõ nét. Đến năm 2019, sự bùng nổ của các dự án điện gió, điện mặt trời đã diễn ra. Trong giai đoạn 2017-2022, công suất cực đại của phụ tải điện toàn quốc tăng trưởng với tốc độ khoảng 9,6% mỗi năm, công suất đặt nguồn điện tăng khoảng 12,9% mỗi năm. Đến 2022, hệ thống điện Việt Nam hiện có tổng công suất đặt khoảng 76 GW, bao gồm điện mặt trời mái nhà, cơ cấu của nguồn NLTT đã chiếm 26,4% trong cơ cấu nguồn điện năm 2022.

3.2. TÌNH HÌNH QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

3.2.1. Tình hình quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo

- Về phía Nhà nước: Nhà nước đã ban hành các kế hoạch, chiến lược, quy hoạch phát triển, cam kết giá thu mua NLTT từ các doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT, ban hành chính sách... để tạo lập hành lang pháp lý, cơ chế hoạt động cho doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT. Nhà nước đã ban hành cơ chế giá ưu đãi cố định (FIT) với điện mặt trời tại Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 và Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; với điện gió là Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Các quyết định này giúp thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước vào các dự án NLTT. Các quyết định trên đã tạo đột phá, thu hút hàng tỉ USD của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đổ vào điện mặt trời, điện gió. Đáng chú ý, Nghị quyết 55 được ban hành năm 2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm

2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ Chính trị được coi là hướng dẫn toàn diện và tiên tiến nhất trong lĩnh vực thay đổi năng lượng một cách nhanh chóng. Tiếp đó, Thủ tướng Chính phủ đã ký “Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)”. Tiếp đó, để đảm bảo lợi ích cho các dự án đã được đầu tư, triển khai nhưng chưa kịp hoàn thành trước thời hạn giá FIT ưu đãi, Bộ Công Thương đã Ban hành Quyết định số 21/QĐ-BCT ngày 07 tháng 01 năm 2023 đặt ra khung giá điện cho việc phát điện từ các nhà máy điện mặt trời và điện gió trong điện chuyên tiếp.

- Về phía các doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT: Doanh nghiệp với vai trò hiện thực hóa các đường lối, Nghị quyết, chiến lược, kế hoạch, chính sách của Nhà nước về phát triển NLTT vào thực tiễn, tận dụng tối đa những ưu đãi của Nhà nước trong lĩnh vực này nhằm thu được lợi nhuận tối đa.

+ Về số lượng doanh nghiệp và công suất: Hiện nay, cả nước có 149 dự án điện mặt trời, 95 dự án điện gió đang vận hành, tổng công suất thiết kế là gần 9047 MW, chủ yếu tập trung ở miền Nam, chỉ riêng hai tỉnh là Ninh Thuận và Bình Thuận, tổng công suất đã chiếm tới hơn 42%.

Bảng 3.7. Thống kê số lượng dự án điện mặt trời, điện gió giai đoạn 2017 – 2022

STT	Nhà máy	Số lượng dự án					
		2017	2018	2019	2020	2021	2022
1	Điện mặt trời	0	7	82	84	120	149
2	Điện gió	0	3	9	27	84	95

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia)

+ Về hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời: Lợi ích kinh tế của các doanh nghiệp phát triển điện gió, điện mặt trời thu được chính là phần lợi nhuận sau thuế.

Bảng 3.9. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp/nhà máy điện gió, điện mặt trời ở Việt Nam năm 2021

Các chỉ tiêu	Số lượng doanh nghiệp điện gió	Số lượng doanh nghiệp điện mặt trời
Loại hình doanh nghiệp:		
- Công ty cổ phần	81	52
- Công ty trách nhiệm hữu hạn	39	32
Tỷ lệ góp vốn:		
+ 100% vốn ngoài nhà nước	108	61
+ Liên doanh trong và ngoài nước	3	13
+ 100% vốn nước ngoài	9	10
Quy mô vốn (tỉ đồng):		

Các chỉ tiêu	Số lượng doanh nghiệp điện gió	Số lượng doanh nghiệp điện mặt trời
- Trên 100 tỉ đồng	72	72
- Dưới 100 tỉ đồng	48	3
- Trên 1000 tỉ đồng		9
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (tỉ đồng)		
- Dưới 100 tỉ đồng	101	81
- Trên 100 tỉ đồng	19	3
Thuế thu nhập doanh nghiệp (tỉ đồng)	284,9	1605,4
Lợi nhuận sau thuế:		
- Lợi nhuận âm:	44	59
- Lợi nhuận dương:		
+ Dưới 10 tỉ đồng	16	12
+ Trên 10 tỉ đồng	60	13

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và tính toán từ khảo sát các doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh của Tổng cục thống kê năm 2021)

+ Về hiệu quả tỉ suất sinh lời nội tại (IRR) của các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời, có thể phân thành hai nhóm: Các doanh nghiệp được hưởng giá FIT và các doanh nghiệp thuộc diện chuyển tiếp.

Bảng 3.10. Hiệu quả tỉ suất sinh lời của nhà máy điện NLTT tiêu chuẩn giai đoạn 2017-2022

Thông số đầu vào	Điện mặt trời mặt đất	Điện gió trên bờ	Điện gió gần bờ
Tỉ lệ vốn vay	70%	70%	70%
Lãi suất vay nội tệ	11%	11%	11%
Số giờ vận hành (giờ/năm)	1.800	3.000	3.500
Thuế suất (TB 20 năm)	8,25%	8,25%	8,25%
Suất đầu tư (triệu USD/MW)	0,9	1,6	1,9
Khấu hao (năm)	20	20	20
Giá FIT (đồng/KWh)	1.680	2.015	2.323
Ước tính tỉ suất sinh lời nội tại (IRR) (%)	11,7%	12,7%	12,9%
Giá điện chuyển tiếp (đồng/KWh)	1.185	1.587	1.815
Ước tính tỉ suất sinh lời nội tại (IRR) giá chuyển tiếp (%)	5,1%	8,0%	7,9%

(Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Báo cáo Vndirect Research, 2022)

+ Về đóng góp của các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời: Phát huy năng lực sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp, nhà đầu tư điện gió, điện mặt trời đã nắm bắt chủ trương, cơ chế, chính sách của Nhà nước để chủ động trong sản xuất kinh doanh. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, các doanh nghiệp đã chủ động nắm bắt những ưu đãi của Nhà nước để phát triển điện

gió, điện mặt trời, từ đó đem lại lợi nhuận và đóng góp vào ngân sách.

3.2.2. Tình hình quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng

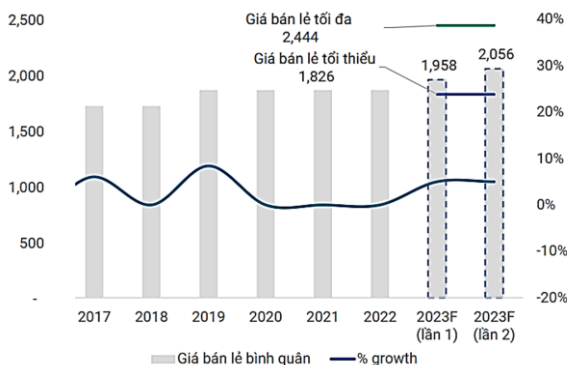
Đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta từ trước tới nay luôn chú trọng phát triển ngành điện lực, luôn chủ trương điện phải đi trước một bước, làm nguồn động lực cho phát triển KT – XH. Trong thời gian qua, quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng trong phát triển NLTT ở nước ra đã bước đầu được giải quyết hiệu quả, người tiêu dùng đã được hưởng những lợi ích, cụ thể:

Một là, về mặt kinh tế:

- Nhà nước và người tiêu dùng đều đã thu được những lợi ích của việc sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Đóng góp của NLTT vào cơ cấu nguồn điện quốc gia đã góp phần giải quyết nhu cầu của người tiêu dùng, năm 2022 cơ cấu nguồn điện tái tạo chiếm 26,4% trong tổng cơ cấu nguồn điện cho thấy vai trò của NLTT trong việc thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Nhờ thực hiện Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, từ 2017 đến nay, mục tiêu tiết kiệm từ 5 - 7% tổng năng lượng yêu cầu cho phát triển đất nước đã được thực hiện, cả nước tiết kiệm được khoảng 60 triệu tấn dầu quy đổi.

- Từ 2017 đến nay, Nhà nước đã có nhiều chính sách điều chỉnh giá điện, thị trường điện ngày càng được hoàn thiện, minh bạch hoá giá điện đến người tiêu dùng. Mức giá này thấp so với mặt bằng trên giới và khu vực.

(đơn vị: Việt Nam đồng)



Biểu đồ 3.9. Giá bán lẻ điện của Việt Nam từ 2017 đến nay

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Tập Đoàn Điện lực Việt Nam)

Hai là, về mặt xã hội: Việc chuyển dịch năng lượng công bằng trong giai đoạn 2017-2022 đã góp phần thay đổi mọi khía cạnh của xã hội và tạo ra nhiều cơ hội việc làm, ngành nghề mới. Các dự án năng lượng tạo giải quyết bài toán công ăn việc làm tại các địa phương nơi thực hiện dự án.

Căn cứ vào cách tiếp cận nhân tố việc làm cho quy hoạch phát triển điện, giai đoạn 2011 – 2020, số việc làm trực tiếp được tạo ra nhằm đáp ứng yêu cầu điện phát sinh cho loại hình năng lượng gió và năng lượng mặt trời theo quy hoạch điện VII khoảng từ 58.860 đến 134.484 việc làm. Bên cạnh đó, phát triển NLTT còn giúp tạo ra các việc làm gián tiếp cho người dân (bao gồm tất cả việc làm liên quan đến lĩnh vực sản xuất và dịch vụ trung gian để thiết lập một hệ thống NLTT, cung cấp nguyên vật liệu, tài chính và các dịch vụ khác,...).

Ba là, về mặt môi trường: Từ năm 2017, với những chính sách thúc đẩy phát triển NLTT, đặc biệt từ 2019 là năm bắt đầu thời kỳ phát triển mạnh của điện mặt trời và điện gió và cũng chính điều đó đã làm cho hệ số phát thải (tính theo tấn CO₂ quy đổi - tấn CO₂/MWh điện) của lưới điện bắt đầu giảm khá rõ rệt. Nhờ đẩy mạnh phát triển NLTT, hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam đã giảm rõ rệt, góp phần cải thiện chất lượng môi trường cũng như giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường đến sức khỏe của người dân. Nếu như năm 2017, hệ số phát thải là 0,8649 tCO₂/MWh thì năm 2021, hệ số này giảm xuống là 0,7221 tCO₂/MWh.

Từ phân tích mối quan hệ lợi ích giữa Nhà nước và người tiêu dùng cho thấy, phát triển NLTT đã mang lại những lợi ích thiết thực cho cả Nhà nước và người tiêu dùng. Tuy nhiên, như phân tích ở trên, một nghịch lý xảy ra đó là giá điện tăng lên theo sự gia tăng của điện mặt trời. Nếu phân tích ở phương diện lợi ích kinh tế, khi tỉ trọng của điện mặt trời gia tăng, đáng lẽ giá điện sẽ giảm xuống nhưng thực tế thì ngược lại. Nhưng nếu xem xét đầy đủ lợi ích trên các phương diện kinh tế, xã hội và môi trường thì có thể thấy phát triển NLTT mang lại những lợi ích bền vững cho người tiêu dùng.

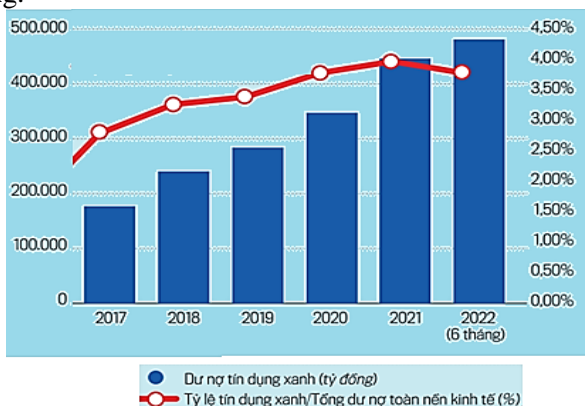
3.2.3. Tình hình quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT và người tiêu dùng

Trong mối quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT và người tiêu dùng, doanh nghiệp đóng vai trò là chủ thể sản xuất điện để thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Có thể khái quát thực trạng quan hệ lợi ích giữa các chủ thể này trong giai đoạn 2017 – 2022 như sau:

+ Về chi phí máy móc, thiết bị: Giai đoạn 2017 – 2022, đa phần các doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời phải nhập khẩu máy móc, thiết bị dẫn đến gia tăng chi phí trong đầu tư máy móc, thiết bị và ảnh hưởng đến giá điện NLTT so với các năng lượng truyền thống.

+ Về vốn đầu tư: Giai đoạn 2017 – 2022, nguồn vốn đầu tư vào NLTT của các doanh nghiệp mới đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu. Do sự thay đổi chính sách mua điện và tác động kéo dài của đại dịch Covid-19, các dự án không thể có doanh thu bán điện nhưng vẫn phải trả lãi vay. Tình hình này đang gây nguy cơ phá sản cho các dự án và để lại khối nợ xấu đối với hệ thống ngân hàng. Biểu đồ dưới đây cho thấy mức dư nợ của các dự

án NLTT ở Việt Nam trong giai đoạn 2017 – 2022. Đến giữa năm 2022, dư nợ cấp tín dụng cho các dự án xanh đã lên tới hơn 474.000 tỉ đồng, chiếm 4,1% tổng dư nợ của toàn nền kinh tế và tăng 7,08% so với năm 2021, trong đó phần lớn dư nợ vào lĩnh vực NLTT (chiếm 47%). Sự gia tăng mức dư nợ tín dụng xanh trên ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp và toàn nền kinh tế. Số dư nợ này cũng phản ánh thực trạng đầu tư vào NLTT ở nước ta ngày càng tăng lên nhưng giá trị mang lại cho toàn nền kinh tế thì chưa bền vững và chưa mang lại lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng.



Biểu đồ 3.11. Dư nợ tín dụng xanh ở Việt Nam giai đoạn 2017 - 2022

(Nguồn: Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

+ Về quan hệ giữa doanh nghiệp và người dân ở vùng bị thu hồi đất cho các dự án điện gió, điện mặt trời: Trong quá trình chuyển đổi, đền bù và giải phóng mặt bằng, vẫn có nhiều vấn đề liên quan đến tranh chấp giá đất, đẩy giá đất và tranh dành đất, gây ra sự mất trật tự và ảnh hưởng đến an sinh xã hội. Trong quá trình thực hiện các dự án theo cơ chế trợ giá của nhà nước trong thời gian qua, nhiều địa phương đã chạy đua triển khai dự án. Việc chạy đua đã dẫn đến giá cả đất tăng vọt, điều này có thể ảnh hưởng đến chi phí đầu tư của các nhà đầu tư sau. Sự phát triển nóng các dự án như trên sẽ làm cho nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng lên, điều này có thể ảnh hưởng đến hệ sinh thái và sinh kế của người dân. Đặc biệt, việc tập trung các dự án điện mặt trời và điện gió ở một số tỉnh sẽ đặt áp lực lên quỹ đất và hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái nông nghiệp của các địa phương.

+ Quan hệ lợi ích giữa doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT và người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay được thực hiện gián tiếp. Hiện nay, EVN đang được nhà nước giao thực hiện mua toàn bộ sản lượng điện từ các dự án điện NLTT với mức giá do nhà nước quy định. Mặc dù nước ta đã có lộ trình cho phát triển ngành năng lượng cạnh tranh trong thập kỷ qua

nhưng EVN vẫn là cơ quan mua bán duy nhất được phép trong thị trường sản xuất năng lượng. Điều này ảnh hưởng đến việc đảm bảo công bằng, minh bạch về các cơ chế tham gia của các công ty tư nhân tham gia vào thị trường NLTT cũng như ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp điện gió, điện mặt trời và người tiêu dùng. Điều này đặt ra vấn đề cần giải quyết đó là mối quan hệ nào nên để thị trường giải quyết, mối quan hệ nào cần vai trò điều tiết của Nhà nước.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

3.3.1. Những thành tựu đạt được

Thời gian qua, ngành NLTT ở nước ta đã có sự phát triển mạnh mẽ, mang lại lợi ích kinh tế to lớn. Qua phân tích thực trạng quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam, có thể rút ra một số kết quả đạt được trong giai đoạn 2017 – 2022 như sau:

Thứ nhất, quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT góp phần mang lại lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường cho các chủ thể liên quan, thúc đẩy sự phát triển của ngành NLTT với tỉ lệ ngày càng tăng trong cơ cấu điện quốc gia.

Thứ hai, sự thống nhất về mặt lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng đã góp phần giúp ổn định cung cấp điện cho đất nước, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.

Thứ ba, quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT bước đầu được duy trì. Với cơ chế chính sách do Nhà nước thiết lập đã góp phần làm cho quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ngày càng bền vững hơn. Sự phối hợp giữa các chủ thể trong phát triển NLTT thể hiện sự gắn kết hơn, mỗi chủ thể bước đầu nhận thức được vai trò của mình trong mối quan hệ lợi ích.

3.3.2. Những hạn chế trong thực hiện quan hệ lợi ích

Thứ nhất, các quy định pháp luật về quy hoạch, đầu tư,... làm cơ sở để giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT còn chưa đầy đủ, đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn.

Thứ hai, sự phát triển nóng của các dự án điện gió, điện mặt trời tạo ra khó khăn trong vận hành hệ thống điện, gây thiệt hại lợi ích cho các bên.

Thứ ba, việc xây dựng quy hoạch và triển khai quy hoạch điện còn nhiều bất cập dẫn đến dự báo, tính toán chưa chính xác, gây khó khăn trong quá trình thực hiện lợi ích kinh tế của các chủ thể.

Thứ tư, quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT góp phần tạo ra hiệu quả kinh tế nhưng chưa vững chắc, còn trùng chéo về lợi ích.

3.3.3. Nguyên nhân của những thành tựu và hạn chế

- Về nguyên nhân của những thành tựu: Những thành tựu đạt được về quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT ở Việt Nam trước hết là nhờ sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa

phương. Những chủ trương, chương trình, chính sách, Nghị quyết phát triển NLTT của Đảng, Nhà nước ta từ 2017 đến nay đã đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện, làm gia tăng lợi ích cho các bên liên quan.

Bên cạnh đó, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, nhất là các quy luật kinh tế như quy luật cạnh tranh, quy luật giá trị, quy luật cung cầu đã tác động lên các chủ thể trong phát triển NLTT chú trọng đến lợi ích kinh tế thu được thông qua quá trình trao đổi, mua bán diễn ra trên thị trường cũng như có các định hướng, giải pháp để tìm cách mang lại thu nhập chính đáng cao nhất có thể.

Ngoài ra, những tác động của sự phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hoá kinh tế đã góp phần làm gia tăng lợi ích của các bên trong phát triển NLTT, đồng thời góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu: tăng trưởng nhanh, bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường ở Việt Nam.

- *Về nguyên nhân của những hạn chế:* Những hạn chế về quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

Thứ nhất, do định hướng chính sách phát triển NLTT nói chung và quy hoạch phát triển điện nói riêng vẫn còn tồn tại những bất cập, chưa có cơ chế đấu thầu để thu xếp vốn đầu tư cho ngành điện khiến ngành điện thiếu vốn đầu tư. Điều này đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh NLTT và sự giảm sút niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Thứ hai, thực tế cho thấy hiện nay cơ chế giá điện còn nhiều bất hợp lý, chưa có định hướng đầu tư và phát triển NLTT, phát triển phụ tải phù hợp. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của các nhà đầu tư tham gia phát triển NLTT.

Thứ ba, các chủ thể tham gia phát triển NLTT chưa nhận thức được vai trò quan trọng của sự liên kết và hợp tác giữa các chủ thể với nhau dẫn đến liên kết còn lỏng lẻo, tự phát, quá trình liên kết diễn ra thiếu đồng bộ và chưa rộng rãi. Nhận thức về quan hệ lợi ích còn hạn chế nên sự phân phối lợi ích chưa thật sự hài hòa dẫn đến giảm hoặc triệt tiêu động lực trong sản xuất, kinh doanh. Năng lực của các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh NLTT cũng như nhà thầu trong nước vẫn còn hạn chế về tài chính và kỹ thuật.

Thứ tư, vấn đề xung đột nhóm lợi ích trong việc thực hiện quan hệ lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo. Xung đột về lợi ích giữa các nhóm lợi ích trên đã cản trở việc thực hiện lợi ích kinh tế của các chủ thể và cản trở sự phát triển ngành năng lượng tái tạo của đất nước.

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH VÀ QUAN ĐIỂM VỀ ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM

4.1.1. Dự báo bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước tác động đến đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam đến năm 2030

- Những thời cơ, thuận lợi: Toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ và là xu hướng tất yếu đối với sự phát triển của các quốc gia. Trong đó, ngành NLTT của Việt Nam sẽ có những cơ hội lớn, nhất là đi tắt đón đầu trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào quá trình sản xuất kinh doanh NLTT. Dưới tác động của BĐKH, tiêu chí sản xuất điện sạch hơn, năng lượng hoá thạch khó khai thác, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cùng với xu hướng tăng trưởng xanh, sự phát triển bùng nổ của các công nghệ số và thị trường NLTT đã làm thay đổi diện mạo năng lượng thế giới. Bối cảnh quốc tế có tác động mạnh đến thị trường NLTT ở Việt Nam, nhất là trong điều kiện tăng nhu cầu nhiên liệu và năng lượng đến năm 2030 và dài hạn đến năm 2045. Thị trường năng lượng thế giới xuất hiện những đối tượng phi truyền thống như nhiên liệu carbon thấp, tế bào nhiên liệu, mạng lưới năng lượng thông minh... Xu hướng chuyển đổi năng lượng hướng tới công bằng, phát triển bền vững, theo hướng trung hòa carbon trên thế giới đã tác động lớn đến ngành NLTT của Việt Nam

- Những khó khăn, thách thức: (1) Những tác động kéo dài của nhu cầu năng lượng từ đại dịch Covid-19 và tác động của sự gián đoạn nguồn cung cấp năng lượng do cuộc xung đột Nga - Ukraine đã ảnh hưởng lớn tới thị trường năng lượng toàn cầu. Dự kiến, nhu cầu điện ở nước ta sẽ tiếp tục tăng khoảng 10% trong giai đoạn 2021 – 2030, điều này tạo ra một thách thức lớn trong việc đảm bảo phát triển đầy đủ và kịp thời hạ tầng cơ sở hệ thống năng lượng; (2) Thách thức về cơ chế chính sách nhằm giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích; (3) thách thức về công nghệ, kỹ thuật; (4) thách thức về kinh tế, tài chính, bài toán vốn đầu tư cho các dự án điện gió, điện mặt trời là thách thức cơ bản đối với chủ thể sản xuất kinh doanh; (5) khó khăn lớn trong việc vận hành và ổn định hệ thống điện khi phát triển điện gió, điện mặt trời.

4.1.2. Quan điểm về đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Thứ nhất, giải quyết hài hòa lợi ích giữa các chủ thể tham gia phát triển NLTT ở Việt Nam phải hướng tới tạo động lực và nâng cao lợi ích kinh tế cho các chủ thể trong các mối quan hệ lợi ích.

Thứ hai, đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam phải hướng đến việc tạo ra giá trị gia tăng ngày càng lớn.

Thứ ba, đảm bảo hài hòa quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam phải tạo ra đòn bẩy quan trọng để thúc đẩy phát triển KT - XH của đất nước trong bối cảnh hội nhập.

Thứ tư, đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển NLTT cần gắn với định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ năm, giải quyết hài hòa lợi ích giữa các chủ thể cần đảm bảo sự thống nhất, kết hợp giữa 3 yếu tố: kinh tế (xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng cung ứng điện phục vụ nhu cầu của xã hội, phát triển năng lượng sạch, đáp ứng nhu cầu việc làm của người dân và thúc đẩy tăng trưởng...); môi trường (đảm bảo sản xuất và tiêu dùng năng lượng bền vững, bảo tồn tài nguyên biển, bảo vệ, tái tạo và khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng bền vững các hệ sinh thái trên cạn...) và xã hội (giải quyết việc làm, tăng thu nhập để nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần đảm bảo ổn định chính trị xã hội và tăng cường quốc phòng an ninh...).

4.2. GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO HÀI HÒA LỢI ÍCH TRONG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

4.2.1. Nhóm giải pháp đối với các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

- *Đối với chủ thể là Nhà nước trong phát triển năng lượng tái tạo*: (1) Đổi mới tư duy về quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, xóa bỏ rào cản để đảm bảo giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định; không thực hiện bù giá chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, các vùng, miền; sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết (thuế, phí, quỹ...) và chính sách an sinh xã hội phù hợp; (2) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các luật chuyên ngành về điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và luật NLTT để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường nhằm giải quyết hài hòa lợi ích giữa các chủ thể; (3) Hoàn thiện quy hoạch phát triển NLTT để các doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh NLTT, đảm bảo lợi ích kinh tế;

(4) Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển NLTT phù hợp với chính sách phát triển KT - XH và chính sách năng lượng quốc gia nhằm đảm bảo minh bạch, hiệu quả kinh tế, công bằng cho các chủ thể tham gia phát triển NLTT; (5) Để tránh xung đột về lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng, Nhà nước cần có Quy hoạch và định hướng thực hiện quy hoạch một cách xuyên suốt, dài hơi. Có lộ trình cụ thể, chi tiết, có tín hiệu rõ ràng, xuyên suốt đối với doanh nghiệp.

- *Đối với doanh nghiệp tham gia phát triển năng lượng tái tạo:* (2) Doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT cần tự nhận thức và thực hiện tốt các quy định của luật pháp về lợi ích của mình trong mối quan hệ với lợi ích của các chủ thể khác; (2) Các doanh nghiệp tham gia phát triển NLTT cần nhận diện các thách thức trong việc đảm bảo lợi ích và tìm cách thích ứng linh hoạt; (3) Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm giải quyết các thách thức trong việc đảm bảo lợi ích; (4) Để đảm bảo lợi ích kinh tế ổn định, bền vững, các doanh nghiệp cần có chiến lược và cam kết lâu dài.

- *Đối với người tiêu dùng:* (1) Người tiêu dùng cần nâng cao sự hiểu biết về chuyển dịch năng lượng công bằng và bền vững, thay đổi thói quen tiêu dùng của bản thân; (2) Để tạo sự thống nhất về lợi ích của người tiêu dùng và các chủ thể khác trong phát triển NLTT, người tiêu dùng cần thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng, chuyển dần sang sử dụng NLTT trong sản xuất kinh doanh; (3) Để đảm bảo lợi ích lâu dài, bền vững cho người tiêu dùng khi sử dụng NLTT, cần giải quyết bài toán về giá điện, mức giá đưa ra phải được đồng ý của người dân ủng hộ; (4) Quan tâm sử dụng NLTT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để phát triển bền vững. (5) Để tránh xung đột lợi ích giữa người dân và các doanh nghiệp trong phát triển NLTT, cần nâng cao nhận thức của người tiêu dùng, đặc biệt là người dân ở vùng bị thu hồi đất về lợi ích của phát triển NLTT, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân trong khu vực bị ảnh hưởng.

4.2.2. Nhóm giải pháp đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo

- Từ kinh nghiệm của các quốc gia và thực trạng QHLI trong phát triển NLTT ở Việt Nam cho thấy, việc đẩy mạnh sự liên kết giữa các chủ thể trong phát triển NLTT có ý nghĩa hết sức quan trọng. Theo đó, muốn đẩy mạnh sự liên kết giữa các chủ thể, Nhà nước cần có quy định rõ ràng về vị trí, vai trò của các chủ thể tham gia phát triển NLLT ở nước ta, từ khâu quy hoạch đến phối hợp phát triển giữa địa phương và quốc gia, sự

phối hợp giữa các doanh nghiệp, nhà đầu tư dự án NLTT với sự phát triển tổng thể của ngành điện và người tiêu dùng.

- Phát huy vai trò của hiệp hội doanh nghiệp sản xuất kinh doanh NLTT: Hiệp hội với tư cách đại diện và bảo vệ lợi ích ngành NLTT, đóng vai trò là đại diện chính thức của ngành trong việc liên lạc và làm việc với cơ quan chính phủ và các cơ quan quyền lực khác. Họ phải bảo vệ và quảng bá lợi ích của ngành, đồng thời đưa ra các đề xuất và giải pháp để cải thiện môi trường kinh doanh và phát triển NLTT.

- Tăng cường liên kết giữa Nhà nước – doanh nghiệp – người tiêu dùng trong phát triển năng lượng tái tạo: Để giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, mỗi chủ thể cần phát huy vai trò, sự chủ động của mình, góp phần mang lại hiệu quả hơn trong phát triển NLTT.

4.2.3. Nhóm giải pháp phát huy vai trò của cấp bộ Đảng, chính quyền địa phương và các chủ thể liên quan về đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo

- Tạo sự gắn kết, thống nhất từ Trung ương đến địa phương trong công tác quản lý đầu tư, quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân và vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển NLTT. Nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng và cả hệ thống chính trị và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của phát triển NLTT.

- Nâng cao nhận thức và phát huy vai trò của các chủ thể trong xử lý rủi ro, giải quyết tranh chấp nhằm đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo.

4.2.4. Nhóm giải pháp phòng ngừa các lợi ích nhóm tiêu cực và mâu thuẫn, xung đột lợi ích trong tương lai trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam

Để phòng ngừa các lợi ích nhóm tiêu cực trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam và giải quyết xung đột lợi ích giữa các chủ thể, Chính phủ Việt Nam cần ưu tiên thực hiện các giải pháp: tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh; quản lý sát sao quy hoạch và lựa chọn vị trí, hoàn thiện quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo; tăng cường tư vấn và tham gia cộng đồng. Nhà nước Việt Nam cần đóng vai trò chủ đạo trong việc khắc phục những hạn chế, rủi ro của các dự án năng lượng tái tạo.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu về “Quan hệ lợi ích trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam” nhằm góp phần đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể trong phát triển NLTT. Trong quá trình phân tích nghiên cứu, luận án rút ra một số kết luận sau:

(1) Trên cơ sở kế thừa quan điểm lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh cùng những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giải quyết mối quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT; tiếp thu những kết quả nghiên cứu khoa học trước đó, nghiên cứu sinh đã xây dựng được quan niệm về: quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT, làm rõ các chủ thể chính, đặc điểm, nội dung các mối quan hệ lợi ích giữa các chủ thể, tiêu chí đánh giá, nhân tố ảnh hưởng và kinh nghiệm quốc tế nhằm giải quyết hài hoà quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT.

(2). Luận án đã nghiên cứu khái quát tình hình thực hiện quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam; đi sâu phân tích, có số liệu minh chứng thực trạng giải quyết mối quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam. Từ đó rút ra những thành tựu đạt được, những hạn chế còn tồn tại và tìm ra nguyên nhân của thực trạng đó.

(3). Luận án đã đưa ra những dự báo tình hình trong nước và quốc tế, trình bày những quan điểm và đề xuất bốn nhóm giải pháp có tính khả thi nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam đến năm 2030 đó là: Nhóm giải pháp đối với các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam; nhóm giải pháp đẩy mạnh sự liên kết, hợp tác giữa các chủ thể trong phát triển năng lượng tái tạo; nhóm giải pháp phát huy vai trò của cấp bộ Đảng, chính quyền địa phương và các chủ thể liên quan về đảm bảo hài hoà lợi ích trong phát triển NLTT; nhóm giải pháp phòng ngừa các lợi ích nhóm tiêu cực và phòng ngừa mâu thuẫn, xung đột lợi ích trong tương lai trong phát triển NLTT ở Việt Nam.

(4). Quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam là đề tài mới, đòi hỏi nghiên cứu có tính hệ thống và trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Từ góc độ Kinh tế chính trị, luận án bước đầu khám phá một số vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận, cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu một cách cụ thể hơn nữa. Trên cơ sở những nội dung và kết quả nghiên cứu bước đầu, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục bổ sung, mở rộng và phát triển vấn đề nghiên cứu sâu hơn, góp phần làm sáng tỏ những cơ sở lý luận và thực tiễn xung quanh vấn đề mối quan hệ lợi ích trong phát triển NLTT ở Việt Nam.